TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 113/2019/HS-ST Ngày: 12/11/2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thắng**

2. Bà **Dương Thị Thu Vân**

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Ông **Lữ Văn Thới -** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 100/2019/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn L** (có mặt).

- Sinh ngày: 1990, tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 11/2, tổ 18, khu phố 2, đường BVB, phường TTĐ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 01/12.

- Nghề nghiệp: Làm thuê.

- Cha: Phạm Văn T, sinh năm: 1937, đã chết.

- Mẹ: Tô Thị R, sinh năm: 1964, nghề nghiệp: làm thuê;

- Anh em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993.

Cùng ĐKHKTT: 11/2, tổ 18, khu phố 2, đường BVB, phường TTĐ, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Vợ: Đinh Thị Lệ T1, sinh năm: 1987, nghề nghiệp: công nhân. ĐKHKTT: quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016. Cùng ĐKHKTT: quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học hết lớp 01 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình và đi làm thuê đến ngày phạm tội.

- Nhân thân:

+ Ngày 22/6/2004, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7, thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng trong thời hạn 12 tháng theo quyết định số 07/QĐ.UB ngày 22/6/2004.

+ Ngày 27/5/2008, bị Tòa án nhân dân quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2008/HSST. Bị cáo đã được xóa án tích.

+ Ngày 20/8/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tại bản án hình sự phúc thẩm số 203/2019/HS-PT.

+ Ngày 23/8/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Gò Công xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

2. Họ và tên: **Đặng Văn T2** (có mặt).

- Sinh ngày: 1987, tại tỉnh Long An.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp PA, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

- Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 07/12.

- Nghề nghiệp: Tài xế.

- Cha: Đặng Văn T3, sinh năm: 1959, đã chết.

- Mẹ: Tô Thị H, sinh năm: 1960, nghề nghiệp: làm thuê;

- Anh em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1985.

Cùng ĐKHKTT: ấp PA, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

- Vợ: Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1992, nghề nghiệp: Nội trợ. ĐKHKTT: xã UMT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- Con: Đặng Nguyễn Nhã U, sinh năm 2017. ĐKHKTT: ấp PA, xã PL, huyện CG, tỉnh Đồng Tháp.

- Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học hết lớp 07 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình và đi làm công nhân đến ngày phạm tội.

+ Ngày 22/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2013/HSST. Bị cáo đã được xóa án tích.

+ Ngày 20/8/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm 3 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tại bản án hình sự phúc thẩm số 203/2019/HS-PT.

+ Ngày 23/8/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Gò Công xử phạt 01 năm 3 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

3. Họ và tên: **Lê Trường H1** (có mặt).

- Sinh ngày: 1986, tại tỉnh Kiên Giang.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp PL, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

- Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: 04/12.

- Nghề nghiệp: Làm thuê.

- Cha: Lê Văn A1, sinh năm: 1949, đã chết.

- Mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1949, nghề nghiệp: Nội trợ;

- Anh chị em ruột: 05 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1991.

- Vợ: Võ Thị Cẩm L1, sinh năm: 1992, nghề nghiệp: công nhân.

- Con: Lê Thị Mỹ N, sinh năm 2015.

Cùng ĐKHKTT: ấp PL, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

- Từ nhỏ sống chung với gia đình, đi học hết lớp 04 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình và đi làm công nhân đến ngày phạm tội.

- Nhân thân: Ngày 05/6/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

** Bị hại:* **Lê Quốc T4**, sinh năm 1958. Trú tại: Ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp 1, xã HT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú: Ấp 1, xã MY, huyện BL, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1949. Địa chỉ: Ấp PL, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An (có mặt).

3. **Trang Sỉ U1**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp PL, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào buổi tối (không rõ thời gian cụ thể) ngày 30/3/2018, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo Phạm Văn L, Đặng Văn T2 và Lê Trường H1 thỏa thuận và thống nhất cùng nhau đi tìm tài sản là phụ tùng xe ô tô tải để trộm cắp và bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Để thực hiện ý định này, bị cáo T2 thuê xe ô tô loại 07 chổ, hiệu Fortuner (không rõ biển số) của dịch vụ cho thuê xe "Bảy B" do Nguyễn Văn P làm chủ. Bị cáo T2 điều khiển và chở bị cáo L chạy phía trước còn bị cáo H1 điều khiển xe mô tô hai bánh hiệu Exciter 150 màu đỏ (không rõ biển số) của bị cáo H1 chạy theo phía sau. Lúc đi, bị cáo L có chuẩn bị sẵn 01 (một) cái kiềm cán màu đỏ, 01 (một) ống điếu L và 01 (một) cái tua vit hai đầu để trong 01 (một) cái túi nylon màu đen để làm công cụ trộm cắp tài sản. Khi bị cáo T2 điều khiển xe Fortuner chở bị cáo L đến Ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thì phát hiện có 01 (một) xe ô tô tải hiệu HINO màu trắng, biển số 63C – 082.31 của bị hại Lê Quốc T4 đang đậu trong sân không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt phụ tùng của xe ô tô tải này. Khi phát hiện không có ai, bị cáo T2 dừng xe và kêu bị cáo L đi đến xe trên tìm phụ tùng xe để trộm cắp thì bị cáo L đồng ý,

còn bị cáo H1 thì đậu xe Exciter gần đó để cảnh giới cho bị cáo L vào trong chổ đậu xe ô tô trên trộm cắp tài sản. Lúc này bị cáo L xuống xe và mang theo túi nylon màu đen cùng các công cụ đã chuẩn bị trước đó, lén lút đi đến chổ đậu xe ô tô trên và dùng các công cụ này tháo gỡ và trộm cắp được 01 (một) cụm đồng hồ táp lô và 01 (một) công tắc bấm kính của xe ô tô tải trên. Sau đó, bị cáo L đi đến chổ bị cáo H1 đang đứng cảnh giới trước đó và bị cáo H1 điều khiển xe Exciter chở đi đến chổ bị cáo T2 đang đậu xe Fortuner chờ. Cả ba cùng chạy về Chợ Gò Đen thuộc huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Khi đến nơi thì bị cáo H1 chở bị cáo L về nhà ngủ còn bị cáo T2 thì điều khiển xe đến gặp Trang Sỉ U1 và bán cho U1 các tài sản vừa trộm trên với giá khoảng 7.000.000 đồng. Sáng hôm sau, cả ba gặp nhau và chia nhau số tiền trên. Đến ngày 03/12/2018 khi cả ba cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp phụ tùng xe ô tải của người khác trên địa bàn thành phố Tân An, tỉnh Long An thì bị bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 229 ngày 26/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 (một) cụm đồng hồ táp lô xe tải hiệu HINO; 01 (một) công tắc bấm kính có tổng giá trị là: 14.907.961 đồng (Mười bốn triệu chín trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng).

* Tại bản cáo trạng số **58**/CT-VKSCT ngày 18/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố các bị cáo Đặng Văn T2, Phạm Văn L, Lê Trường H1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

** Tại phiên tòa,*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đặng Văn T2, Phạm Văn L, Lê Trường H1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T2, Phạm Văn L, Lê Trường H1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Đặng Văn T2 từ 9 tháng đến 01 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Phạm Văn L từ 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Lê Trường H1 từ 7 tháng đến 9 tháng tù.

Đề nghị tổng hợp hình phạt với các bản án của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, thị xã Gò Công và tỉnh Đồng Tháp để buộc các bị cáo chấp hành hình phạt chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nhân chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy:

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Văn T2, Phạm Văn L, Lê Trường H1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Các bị cáo cho rằng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại để trộm cắp tài sản. Cụ thể, vào buổi tối ngày 30/3/2018 bị cáo T2 thuê xe ô tô loại 07 chổ, hiệu Fortuner điều khiển và chở bị cáo L, còn bị cáo H1 điều khiển xe mô tô hai bánh hiệu Exciter 150 màu đỏ chạy theo phía sau. Lúc đi, bị cáo L có mang theo 01 (một) cái kiềm cán màu đỏ, 01 (một) ống điếu L và 01 (một) cái tua vit hai đầu. Khi đến Ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thì bị cáo T2 dừng xe và kêu bị cáo L đi đến xe để trộm cắp, còn bị cáo H1 thì đậu xe Exciter gần đó để cảnh giới cho bị cáo L. Bị cáo L xuống xe đi đến chổ đậu xe ô tô trên và dùng các công cụ tháo gỡ và trộm cắp được 01 (một) cụm đồng hồ táp lô và 01 (một) công tắc bấm kính của xe ô tô tải trên. Sau đó, cả ba cùng chạy về Chợ

Gò Đen thuộc huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Khi đến nơi thì bị cáo H1 chở bị cáo L về nhà ngủ còn bị cáo T2 thì điều khiển xe đến gặp Trang Sỉ U1 và bán cho U1 các tài sản vừa trộm trên với giá khoảng 7.000.000 đồng và chia nhau số tiền trên.

Lời khai nhận tội trên của các bị cáo cơ bản đã phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người làm chứng và các lời khai trước đây của các bị cáo tại cơ quan điều tra, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã đủ cơ sở xác định các bị cáo Đặng Văn T2, Phạm Văn L, Lê Trường H1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự .

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ sức khoẻ và khả năng nhận thức về hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, chỉ vì muốn hưởng lợi không bằng sức lao động chính đáng của mình mà các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản.

Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo gây tư tưởng hoang mang trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, cũng như phòng ngừa chung cho các đối tượng khác.

Xét thấy, lần phạm tội này của các bị cáo là lần đầu tiên trong chuỗi hành vi phạm tội tiếp theo tại tỉnh Long An, Đồng Tháp và thị xã Gò Công. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự cấu kết chặc chẽ, nên là đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo T2 là người khởi xướng việc phạm tội nên mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội cao hơn bị cáo L và Hận. Bị cáo L là người thực hiện tội phạm tích cực hơn bị cáo H1. Cụ thể, bị cáo H1 là người cảnh giới, bị cáo L là người thực hiện hành vi phạm tội. Do đó mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo L cao hơn bị cáo H1.

Bị cáo T2 và L đều có nhân thân xấu, từng bị xử lý hình sự về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng vẫn không ăn năn hối cải, mà lại có hành vi phạm tội mới. Điều đó cho thấy các bị cáo là người có ý thức xem thường pháp luật. Do đó cần xử phạt bị cáo T2 và L nghiêm khắc hơn bị cáo H1.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường thiệt hại, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Trong lần phạm tội này bị cáo H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có ông bà ngoại là người có công với cách mạng. Vì vậy, Hội đồng xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Trang Sỉ U1 là người có hành vi tiêu thụ 01 (một) cụm đồng hồ táp lô xe tải hiệu HINO; 01 (một) công tắc bấm kính do các bị cáo trộm cắp mà có. Qua điều tra xác minh, U1 khai nhận không biết các tài sản này do các bị cáo trộm cắp mà có. Tiến hành đối chất, không có cơ sở để xác định hành vi của U1 là tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với U1.

[4] Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) kiềm cắt hai lưỡi bén kim loại cán đỏ, dài 9,5 cm, rộng 06 cm.

- 01 (một) ống điếu L dài 17,5 cm.

- 01 (một) cây tua vít hai đầu, một đầu dẹp, một đầu tứ ke dài 17,5 cm, tay cầm 10 cm.

Hiện các vật chứng này đã được xử lý trong vụ án tại thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với 01 (một) xe ô tô tải hiệu Fortuner, không rõ biển số là phương tiện mà T2 điều khiển dùng để chở L cùng với H1 đi trộm cắp tài sản. Qua xác minh, xe này là của dịch vụ cho thuê xe "Bảy B" tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An do Nguyễn Văn P, sinh năm 1980, ngụ ấp 1, xã HT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long làm chủ. Tiến hành điều tra, bị cáo T2 khai nhận là thuê lại của Anh P để đi chơi chứ không nói rõ đi đâu làm gì. Tiến hành điều tra, Anh P xác định cho bị cáo T2 thuê để tự điều khiển làm phương tiện đi lại chứ không biết rõ dùng xe này để đi đâu làm gì cả. Anh P hoàn toàn không biết bị cáo T2 dùng xe này để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không truy cứu trách nhiệm hình sự với Anh P và không thu giữ xe Fortuner.

Đối với xe mô tô hai bánh hiệu Exciter 150 màu đỏ (không rõ biển số) là phương tiện mà bị cáo H1 điều khiển để đi trộm cắp tài sản. Qua điều tra xác minh, xe này bị cáo T2 và Hận khai là do bị cáo T2 bán lại cho bị cáo H1 và sau đó bị

cáo H1 đã bán lại cho một người khác (không rõ họ tên, địa chỉ) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành không thu giữ được.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong. Hiện tại bị hại không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy, bị cáo T2 là người khởi xướng việc phạm tội và trực tiếp tiêu thụ tài sản phạm tội nhưng đại diện Viện kiểm sát cho rằng trong đồng phạm này thì bị cáo L là người có vai trò chính và đề nghị mức hình phạt cao hơn bị cáo T2 là chưa phù hợp. Về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo L và H1 là cao, bởi lẽ trong vụ án này các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Các đề nghị khác của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình phạt:

- Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T2, Phạm Văn L, Lê Trường H1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Đặng Văn T2** 10 (mười) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự phúc thẩm số 203/2019/HS-PT ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/12/2018.

Xử: Phạt bị cáo **Phạm Văn L** 9 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự phúc thẩm số 203/2019/HS-PT ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và bản án hình sự sơ thẩm số 21/2019/HS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/12/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Trường H1** 6 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/12/2018.

4. Về án phí: Các bị cáo T2, L, H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- Công an h. Châu Thành;
- Chi cục THADS h. Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

BÙI ANH TUẤN